

Số: *2014*/QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày *15* tháng *7* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quỹ gen cấp Quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2014/TT-BKHHCN;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thực hiện trong kế hoạch năm 2020;

Xét kết quả làm việc của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng tám (08) nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quỹ gen cấp Quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững

nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 bắt đầu thực hiện từ năm 2020.

(Chi tiết 08 nhiệm vụ trong các Phụ lục kèm theo).

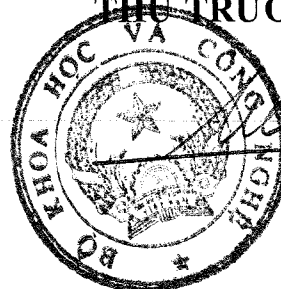
Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế – Kỹ thuật phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Văn phòng Các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn/xét chọn và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành Kinh tế – Kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Công Tạc



**DANH MỤC ĐẠT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN
VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
XÉT GIAO TRỰC TIẾP**

(Kèm theo Quyết định số 2014/QĐ-BKHHCN ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1.	Dự án SXTN: Hoàn thiện qui trình công nghệ và sản xuất chế phẩm sinh học vi khuẩn <i>lactic</i> bản địa quy mô công nghiệp dùng trong chăn nuôi.	Hoàn thiện qui trình công nghệ sản xuất và sản xuất được chế phẩm sinh học từ nguồn gen vi khuẩn <i>lactic</i> bản địa phục vụ chăn nuôi an toàn sinh học, hạn chế sử dụng kháng sinh.	<ul style="list-style-type: none">- Ít nhất 3 chủng giống vi khuẩn <i>lactic</i> bản địa đảm bảo cho sản xuất quy mô công nghiệp;- 03 chế phẩm sinh học (10 tấn/ 1 loại, mật độ $\geq 5 \times 10^8$ CFU/g, đạt hiệu quả kinh tế tăng 10% so với đối chứng, bảo quản ≥ 6 tháng ở nhiệt độ thường);- 500 tấn thức ăn chăn nuôi có bổ sung chế phẩm sinh học;- Quy trình nhân sinh khối vi khuẩn <i>lactic</i> bản địa quy mô 500 lít/mẻ;- Quy trình công nghệ sản xuất 03 chế phẩm sinh học (quy mô 2 tấn/ mẻ);- Hồ sơ đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học được cơ quan thẩm quyền phê duyệt phục vụ chăn nuôi;- Báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình nuôi lợn sử dụng chế phẩm sinh học.	Xét giao trực tiếp Công ty Cổ phần Nam Việt	

TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
2.	Dự án SXTN: Hoàn thiện quy trình chọn lọc, chăn nuôi lợn Táp Ná	Hoàn thiện được quy trình chọn lọc, chăn nuôi để nâng cao năng suất lợn Táp Ná.	<ul style="list-style-type: none"> - 01 quy trình chọn lọc lợn Táp Ná (80 nái và 8 đực giống), năng suất sinh sản ≥ 15 con cai sữa/nái/năm; - 01 quy trình chăn nuôi lợn Táp Ná sinh sản; - 01 quy trình chăn nuôi lợn Táp Ná thương phẩm; - 02 mô hình chăn nuôi lợn sinh sản 50 nái/mô hình, năng suất sinh sản $\geq 14,5$ con cai sữa/nái/năm; - 04 mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm (100 con/mô hình), khối lượng 8 tháng tuổi ≥ 65 kg, tiêu tốn thức ăn ≤ 4 kg/kg tăng khối lượng. 	Xét giao trực tiếp cho Viện Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

**DANH MỤC ĐỀ TÀI HẠNG NHIỆM VỤ KH&CN QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN
VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

TUYỂN CHỌN

(Kèm theo Quyết định số 2014 /QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1.	Đề tài: Khai thác và phát triển nguồn gen một số chủng virus gây bệnh (porcine parvovirus-PPV, porcine pseudorabies; PRVgoatpox; GTPV) phục vụ chẩn đoán và sản xuất vắc-xin phòng chống bệnh.	Bảo tồn và khai thác được các chủng virus (porcine parvovirus-PPV, porcine pseudorabies virus-PRV) và ở dê (goatpox virus-GTPV) có tiềm năng phục vụ sản xuất vắc-xin và chế phẩm sinh học trong chẩn đoán, phòng chống bệnh cho lợn, dê.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về sự lưu hành phân bố và trình tự gen của virus PPV, PRV và GTPV ở Việt Nam (có mã số trên gene bank); - Ít nhất có 3 chủng đại diện/1 loại virus tiềm năng phục vụ sản xuất vắc-xin và chế phẩm sinh học; - Báo cáo đặc tính sinh học và sinh học phân tử của các chủng PPV, PRV và GTPV ở Việt Nam có so sánh với các chủng của thế giới và các chủng virus vắc-xin hiện lưu hành ở Việt Nam; - Đăng ký ít nhất 03 trình tự gen trên genbank; - Đăng được 02 bài báo trên tạp chí chuyên ngành và 01 bài báo quốc tế (trong danh mục ISI); - Đào tạo 02 Thạc sỹ. 	Tuyển chọn	



TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
2	<p>Đề tài: Khai thác ứng dụng nguồn gen vi sinh vật bản địa phân hủy lignocellulose trong xử lý chất thải của nhà máy sản xuất cồn sinh học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có được bộ chủng giống vi sinh vật bản địa phân hủy lignocellulose trong xử lý chất thải của nhà máy sản xuất cồn sinh học; - Sử dụng bộ chủng vi sinh vật bản địa để xử lý và tái sử dụng chất thải sau sản xuất cồn nhiên liệu, tạo ra được thức ăn chăn nuôi giàu protein. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển chọn được bộ 05 chủng giống vi sinh vật bản địa ưa nhiệt (50°C), ưa axit (pH 3.5), sinh enzyme thủy phân lignocellulose, không gây bệnh, có khả năng phát triển tốt trong chất thải của nhà máy sản xuất cồn sinh học, giúp gia tăng hàm lượng protein trong bã thải (từ 12% lên $\geq 20\%$) và giảm $\geq 50\%$ hàm lượng chất hữu cơ trong nước thải; - Quy trình công nghệ ứng dụng vi sinh vật trong xử lý, thu hồi chất thải của nhà máy sản xuất cồn sinh học trong chăn nuôi; - 01 Mô hình công nghệ xử lý bã thải theo nguyên lý lên men liên tục với công suất 1000 lít/ngày; - 01 Mô hình thiết bị thu hồi chất thải nhằm ứng dụng trong chăn nuôi; - 01 Mô hình thử nghiệm tại thực địa với quy mô xử lý 20m³ chất thải/ngày, hoạt động theo nguyên lý lên men liên tục; - 20 tấn nguyên liệu sau xử lý với hàm lượng protein $\geq 20\%$ thích hợp làm thức ăn chăn nuôi theo quy định hiện hành; - Công bố 01 bài báo trên tạp chí quốc tế, 01 bài trên tạp chí trong nước; - Đăng ký 01 giải pháp hữu ích; - Đào tạo 02 Thạc sỹ chuyên ngành. 	Tuyển chọn	

TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
3.	<p>Đề tài: Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Human Parvovirus B19 phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập và bảo quản các chủng Human Parvovirus B19 trên người; - Xác định đặc điểm dịch tễ học phân tử của các chủng Human Parvovirus B19 ở Việt Nam; - Chế tạo được bộ sinh phẩm chẩn đoán xác định Parvovirus B19 ở người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình thu thập và bảo quản các chủng Parvovirus B19 trên người; - 100 chủng Parvovirus B19 gây bệnh ở người tại Việt Nam; - Báo cáo đặc điểm dịch tễ học phân tử của các chủng Parvovirus B19 tại Việt Nam; - Quy trình chế tạo bộ sinh phẩm dựa trên kỹ thuật realtime PCR dùng cho phát hiện Parvovirus B19 phù hợp với Việt Nam có độ đặc hiệu: 100%, độ nhạy: 0,2 IU/μl; - Bộ sinh phẩm gồm 1.000 test; - 03 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc gia và 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế ISI/Scopus; - Đào tạo 02 Thạc sỹ hoặc 1 Tiến sỹ chuyên ngành. 	Tuyển chọn	
4.	<p>Đề tài: Khai thác và phát triển nguồn gen Rồng đất (<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829)</p>	<p>Khai thác và phát triển hiệu quả nguồn gen Rồng đất (<i>P. cocincinus</i> Cuvier, 1829) nuôi tại các vùng Trung du miền</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng về tình hình chăn nuôi nguồn gen Rồng đất tại 4 tỉnh đại diện cho vùng trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long; - Báo cáo về đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của Rồng đất; 	Tuyển chọn	



TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng đàn hạt nhân 200 con cái sinh sản có ngoại hình đặc trưng của Ròng đất, năng suất trứng ≥ 35 quả/cái/năm; tỷ lệ nở $\geq 52\%$/tổng trứng; - Đàn sản xuất 400 con, năng suất trứng ≥ 30 quả/cái/năm; tỷ lệ nở $\geq 52\%$/tổng trứng; - Đàn thương phẩm 1.000 con/02 mô hình, 06 tháng tuổi đạt ≥ 600 g/con; - Tiêu chuẩn cơ sở của đàn Ròng đất hạt nhân; - 01 Quy trình chọn lọc đàn Ròng đất hạt nhân; - 01 Quy trình kỹ thuật nhân giống và chăn nuôi loài Ròng đất; - 02 Bài báo trên tạp chí chuyên ngành. 		
5.	Đề tài: Khai thác và phát triển nguồn gen trâu Langbiang tại Lâm Đồng	Khai thác và phát triển hiệu quả nguồn gen trâu Langbiang tại Lâm Đồng để nâng cao khả năng sản xuất.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng chăn nuôi và khả năng sản xuất của trâu Langbiang tại Lâm Đồng; - Đàn hạt nhân 60 con cái sinh sản và 4 đực có ngoại hình đặc trưng, tuổi đẻ lứa đầu ≤ 46 tháng, khoảng cách lứa đẻ ≤ 18 tháng, khối lượng trâu sơ sinh ≥ 24 kg; - Đàn sản xuất 80 con cái sinh sản và 4 đực, tuổi đẻ lứa đầu ≤ 47 tháng, khoảng cách lứa đẻ ≤ 18 tháng, khối lượng trâu sơ sinh ≥ 22 kg; - Đàn thương phẩm 200 con/02 mô hình, khối lượng 24 tháng tuổi ≥ 270 kg, tăng khối lượng bình quân giai đoạn 13 - 24 tháng tuổi ≥ 400 g/con/ngày; 	Tuyển chọn	

TT	Tên đề tài/ dự án SXTN	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả*	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn cơ sở của đàn hạt nhân và đàn sản xuất trâu Langbiang; - 01 Quy trình chọn lọc đàn hạt nhân trâu Langbiang; - 01 Quy trình chăn nuôi trâu Langbiang sinh sản; - 01 Quy trình chăn nuôi trâu Langbiang thương phẩm; - 02 Bài báo trên tạp chí chuyên ngành. 		
6.	<p>Đề tài: Khai thác và phát triển nguồn gen giống lợn H'Mông tại Yên Bái</p>	<p>Khai thác và phát triển hiệu quả nguồn gen lợn H'Mông tại Yên Bái để nâng cao khả năng sản xuất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng chăn nuôi và khả năng sản xuất của lợn H'Mông tại Yên Bái; - Đàn hạt nhân 80 con nái sinh sản và 8 đực có ngoại hình đặc trưng, năng suất $\geq 12,5$ con cai sữa/nái/năm; - Đàn sản xuất 100 con nái sinh sản và 10 đực, năng suất $\geq 11,5$ con cai sữa/nái/năm; - 03 mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm (150 con), khối lượng 8 tháng tuổi ≥ 50 kg, tiêu tốn thức ăn ≤ 4 kg/kg tăng khối lượng; - Tiêu chuẩn cơ sở của đàn hạt nhân và đàn sản xuất; - 01 Quy trình chọn lọc đàn hạt nhân; - 01 Quy trình chăn nuôi lợn sinh sản; - 01 Quy trình chăn nuôi lợn thương phẩm; - 02 Bài báo trên tạp chí chuyên ngành. 	Tuyển chọn	